

Đánh giá tác động của EVFTA đến hoạt động thương mại của Việt Nam và khuyến nghị giải pháp

ĐẶNG THÀNH CHUNG*

Ngày 08/6/2020, Quốc hội Việt Nam đã chính thức phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) với 100% số phiếu tán thành. EVFTA được thực thi kỳ vọng mang đến những lợi ích lớn cho nền kinh tế Việt Nam với những chuyển biến về thương mại, mở ra nhiều cơ hội về đầu tư, hợp tác mới cho doanh nghiệp hai bên. EVFTA được coi là một thỏa thuận chất lượng, toàn diện và hiện đại nhất mà châu Âu từng ký với một nước đang phát triển. Bài viết đánh giá những tác động của EVFTA đến hoạt động thương mại sau một năm thực thi, đồng thời khuyến nghị một số giải pháp để có thể tận dụng được tối đa những lợi ích mà Hiệp định này có thể mang lại trong thời gian tới.

TÁC ĐỘNG CỦA EVFTA ĐẾN HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

EVFTA gồm 17 chương, 2 nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ kèm theo với các nội dung chính là: thương mại hàng hóa (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), thương mại dịch vụ (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), đầu tư, phòng vệ thương mại, cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm của Chính phủ, sở hữu trí tuệ, thương mại và Phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực, các vấn đề pháp lý - thể chế [3].

EVFTA được thực thi kỳ vọng mang đến những lợi ích lớn cho nền kinh tế Việt Nam với những chuyển biến về thương mại, mở ra nhiều cơ hội về đầu tư, hợp tác mới cho doanh nghiệp 2 bên. EVFTA được coi là một thỏa thuận chất lượng, toàn diện và hiện đại nhất mà châu Âu từng ký với một nước đang phát triển. Như vậy, Việt Nam là nước đang phát triển đầu tiên ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương có quan hệ thương mại tự do với EU. Điều này khẳng định vai trò và vị thế địa - chính trị quan trọng của Việt Nam trong khu vực. Trong bối cảnh hiện nay, khi các mặt hàng Việt Nam gặp khó khăn về thị trường do đại dịch Covid-19, thì việc thực thi EVFTA càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, như một đòn bẩy giúp tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Theo dự báo của Trung tâm WTO, khi thực hiện EVFTA, hoạt động xuất - nhập khẩu Việt Nam sẽ có những kết quả khả quan, cụ thể:

- Về xuất khẩu: EVFTA dự kiến giúp kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng thêm khoảng 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030 so với không có Hiệp định. Xét về tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới, dự kiến kim ngạch của ta sẽ tăng trung bình 5,21%-8,17% (cho giai đoạn 5 năm đầu thực hiện) và 11,12%-15,27% (cho giai đoạn 5 năm tiếp theo) và 17,98%-21,95% (cho giai đoạn 5 năm sau đó).

- Về nhập khẩu: Nhập khẩu của Việt Nam từ EU tăng khoảng 33,06% vào năm 2025 và 36,7% vào năm 2030. Xét về tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thế giới, dự kiến kim ngạch của Việt Nam tăng trung bình 4,36%-7,27% (cho giai đoạn 5 năm đầu thực hiện), 10,63%-15,4% (cho giai đoạn 5 năm tiếp theo) và 16,41%-21,66% (cho giai đoạn 5 năm sau đó).

Thực tế sau 1 năm triển khai EVFTA, hoạt động trao đổi thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU đạt 54,87 tỷ USD, tăng 12,1% so với giai đoạn cùng kỳ; trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 38,48 tỷ USD, tăng 11,3% và kim ngạch nhập khẩu đạt 16,39 tỷ USD, tăng 14,04%. Mặc dù Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề do đợt dịch thứ 4 bùng phát tại vùng xuất khẩu thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU

* TS., Trường Đại học Điện lực

vẫn ghi nhận sự tăng trưởng khả quan, kể cả so với thời kỳ trước đại dịch, với kim ngạch đạt 51,3 tỷ USD, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó, xuất khẩu đạt 35,96 tỷ USD, tăng 12,6% và nhập khẩu đạt 15,34 tỷ USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2020. Việt Nam xuất siêu sang EU 20,6 tỷ USD, tăng 9,8% so với mức xuất siêu của cùng kỳ năm 2020 [5].

Cùng với đó, ngày càng nhiều doanh nghiệp tận dụng được ưu đãi từ EVFTA qua việc sử dụng chứng nhận xuất xứ (C/O) ưu đãi. Trong năm đầu tiên thực thi Hiệp định, các cơ quan, tổ chức được ủy quyền cấp C/O mẫu EUR.1 đã cấp khoảng 207.682 chứng nhận C/O mẫu EUR.1 với kim ngạch đạt khoảng 7,71 tỷ USD đi 27 nước EU. Ngoài ra, các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang EU còn thực hiện tự chứng nhận xuất xứ cho 6.115 lô hàng được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA.

Ngoài ra, năng lực cạnh tranh và thị phần của hàng hóa Việt ngày càng được cải thiện rõ rệt tại thị trường EU. Việt Nam hiện là đối tác thương mại thứ 15 của EU và đã vươn lên trở thành đối tác thương mại hàng hóa lớn nhất của EU trong khu vực ASEAN, với kim ngạch thương mại 2 chiều năm 2020 đạt 43,2 tỷ EUR (theo Eurostat) và xếp trong Top 10 các nước cung ứng hàng hóa lớn nhất vào thị trường EU [5].

MỘT SỐ THÁCH THỨC

Tác động của dịch bệnh Covid-19

Trong các năm 2020, 2021, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ - Trung Quốc vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao.

Kinh tế châu Âu tiếp tục đà suy yếu vốn đã tồn tại từ trước đại dịch. Nhưng, việc dịch bệnh bùng phát trở lại vào quý IV/2020, do xuất hiện biến thể mới của Covid-19 khiến nhiều quốc gia tại khu vực này tiếp tục áp dụng lệnh giãn cách xã hội, đã giáng một đòn nặng nề vào nền kinh tế mới bắt đầu phục hồi trở lại.

Kinh tế thế giới năm 2021 ghi nhận sự hồi phục, nhưng phân hóa rõ nét giữa các nước đã đạt được tỷ lệ tiêm chủng vaccine cao (như: Mỹ, châu Âu...) với các nước còn phải đối mặt với các đợt bùng

phát dịch bệnh (đặc biệt là các nước Nam Á, Đông Nam Á...), dự báo tăng trưởng 4,9% năm 2022. Tuy nhiên, kinh tế thế giới vẫn phải đối mặt với rủi ro lớn nhất là nguy cơ bùng dịch trở lại bởi các biến chủng Covid-19 mới, áp lực lạm phát, tăng giá hàng hóa, áp lực nợ dẫn đến khả năng thắt chặt chính sách tài khóa và tiền tệ sớm hơn kế hoạch, khiến rủi ro thanh khoản và dịch chuyển dòng vốn đầu tư gián tiếp tăng lên.

Đối với Việt Nam, mặc dù kinh tế chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi 2 lần bùng phát dịch bệnh trong năm 2021, đặc biệt lần thứ 4 từ ngày 27/4/2021 đến nay là rất nghiêm trọng và phức tạp, buộc phải áp dụng các biện pháp phong tỏa, giãn cách xã hội nghiêm ngặt tại nhiều địa phương (trong đó có cả Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh - là hai đầu tàu kinh tế quan trọng của cả nước), song bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2021 vẫn ghi nhận một số kết quả đáng khích lệ. Đặc biệt, đánh giá kết quả tác động đến hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế của Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực.

Bất cập về tiêu chuẩn kỹ thuật, rào cản kỹ thuật

Trong quá trình xây dựng các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật, mặc dù chính sách về tiêu chuẩn đã quy định rõ về việc tham gia của doanh nghiệp trong Ban Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Điều 15, 16, 31, 37), nhưng trên thực tế, doanh nghiệp chưa thực sự chú trọng việc tham gia trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn. Có rất ít doanh nghiệp tham gia vào Ban Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, chủ động đề xuất xây dựng TCVN, tham gia vào quá trình xây dựng TCVN và tiêu chuẩn quốc tế.

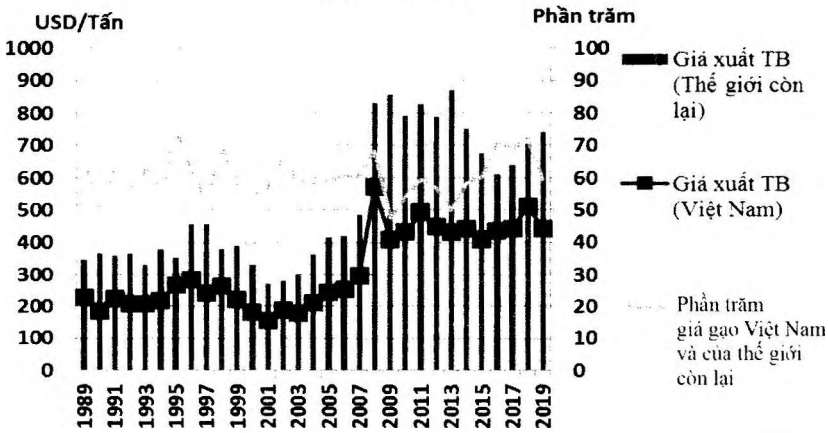
Về vấn đề hàng rào kỹ thuật trong thương mại, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động phối hợp của mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Quyết định số 46/2017/QĐ-TTg, ngày 24/11/2017 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và Thông tư số 16/2018/TT-BKHCN, ngày 29/11/2018 quy định hoạt động, phối hợp trong mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại). Mặc dù vậy, việc hạn chế tác động tiêu cực của hàng rào kỹ thuật của nước ngoài chưa được tổ chức tốt và hoạt động hiệu quả. Việt Nam cần áp dụng một cơ chế hoạt động nhạy bén hơn, để kịp thời hỗ trợ tối đa các doanh nghiệp và hạn chế tác động tiêu cực của hàng rào kỹ thuật đối với thương mại.

Một thách thức lớn nữa đặt ra đối với Việt Nam trong môi trường EVFTA là việc tuân thủ, thực thi cam kết và việc tham gia vào hệ thống giải quyết tranh chấp giữa Chính phủ và nhà đầu tư vốn ngày càng hoàn thiện theo quy định của các FTA.

KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

Để tận dụng được tối đa những lợi ích mà EVFTA có thể mang lại, Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng cần chú trọng những vấn đề sau:

HÌNH 3: SO SÁNH GIÁ GẠO XUẤT KHẨU TRUNG BÌNH CỦA VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI CÒN LẠI



chất và vệ sinh an toàn thực phẩm, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Mỹ, Australia, Qarta, Kuwait và một số nước thuộc khối EU. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực vào tháng 8/2020 đã tạo cơ hội cho gạo Việt dễ dàng thâm nhập rộng hơn vào thị trường tiềm năng này.

Trong thập niên gần đây, sự phối kết hợp giữa “*Bốn nhà*” (Nhà nước, Nhà nông, Nhà khoa học và Nhà doanh nghiệp trong nông nghiệp nói chung và ngành lúa gạo nói riêng cũng như giữa các bộ và ngành liên quan đã giúp từng bước cải thiện chất lượng và cơ cấu gạo xuất khẩu. Tỷ trọng gạo thơm và gạo đặc sản với chất lượng cao tăng lên và gạo có chất lượng thấp và trung bình giảm rõ rệt trong cơ cấu gạo xuất khẩu. Giá xuất khẩu trung bình được nâng dần lên, rút ngắn khoảng cách về giá gạo xuất khẩu giữa Việt Nam và các nước xuất khẩu có uy tín trên thị trường quốc tế.

Có thể thấy, trong thời gian qua, xuất khẩu gạo đã góp phần quan trọng vào việc tạo ra nguồn thu ngoại tệ cho Đất nước, góp phần tạo nguồn tài chính hiện đại hóa nền kinh tế nói chung và phát triển ngành lúa gạo nói riêng. Đồng thời, xuất khẩu gạo cũng đã giúp giải quyết khối lượng lớn gạo dư thừa trong nền kinh tế, nhằm ổn định thị trường và nâng cao thu nhập cho nông dân trồng lúa. Hơn nữa, xuất khẩu gạo còn góp phần tạo ra thêm công ăn việc làm cho hàng triệu lao động ở nông thôn, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho những lao động hoạt động trong ngành lúa gạo.

Nhận diện những điểm hạn chế và nguyên nhân

Tuy nhiên, hiệu quả sản xuất và xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam vẫn còn thấp tương đối so với tiềm năng. Cho đến nay, gạo phục vụ xuất khẩu được tiến

hành sản xuất bởi nhiều hộ nông dân nhỏ lẻ, tự phát với nhiều giống lúa cao sản khác nhau. Gạo xuất khẩu được thu gom và pha trộn từ nhiều nguồn, nên có hình dạng không đồng nhất và chất lượng gạo còn thấp, chưa thực đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, chủng loại, tính thương phẩm, cũng như chất lượng vệ sinh an toàn lương thực quốc tế. Đây là lý do khiến gạo Việt Nam vẫn xuất bán với giá thấp hơn đáng kể so với giá bán của các nước xuất khẩu gạo khác trong suốt thời kỳ 1989-2020.

Cụ thể, giá xuất khẩu trung bình của Việt Nam chỉ bằng 60% giá xuất trung bình của các nước xuất khẩu còn lại của thế giới. Cá biệt, có năm giá xuất khẩu gạo của Việt Nam chưa bằng 50% giá gạo xuất khẩu còn lại trên thế giới, như năm 2009 hay năm 2013 (Hình 3).

Cho tới nay, các thị trường xuất khẩu gạo lớn của Việt Nam chủ yếu vẫn là các nước nhập khẩu thuộc châu Á và châu Phi, là nhóm nước có thu nhập thấp và thu nhập trung bình. Theo dữ liệu VFA, Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan (1989-2020), tác giả nhận thấy, trên 70% tổng lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam được xuất sang các thị trường này.

Tuy nhiên, trong hơn 1 thập niên trở lại đây, xuất khẩu gạo sang châu Á, châu Phi bộc lộ những yếu tố bất bình, thách thức. Lý do là hầu hết những nước từng nhập khẩu nhiều trước đây nay đang theo đuổi chính sách tự túc gạo trong nước³. Kể từ sau khủng hoảng giá gạo quốc tế vào đầu năm 2008, tự túc gạo được nhiều quốc gia coi là mục tiêu cao nhất và được đặt ở vị trí ưu tiên hàng đầu trong chính sách nông nghiệp và chiến lược lương thực. Trung Quốc, Philippines, Indonesia⁴ và nhiều nước thuộc châu Phi, đặc biệt là các quốc gia Tây Phi là những nước tiêu biểu cho sự kiên trì theo đuổi chính sách này.

Song song với chính sách thúc đẩy tự túc gạo, chính phủ các nước từng nhập khẩu gạo còn thực thi hàng loạt biện pháp để hạn chế tối đa, thậm chí cấm

² Nguyên nhân làm số thị trường nhập khẩu giảm sút gần đây một phần do kết quả thực hiện chính sách tự túc gạo ở các nước nhập khẩu và một phần do một số nước chuyển sang nhập gạo của các đối tác khác, có chất lượng và chủng loại phù hợp hơn hoặc giá cạnh tranh hơn.

³ Các báo cáo thị trường công bố từ FAO, USDA (2008-2017)...

⁴ Indonesia tuyên bố tự túc gạo năm 2016 và không nhập gạo của Việt Nam. Ngày 02/6/2016. Bộ trưởng Nông nghiệp Philippine, Pino, cho biết tỷ lệ tự túc gạo nước này đã đạt 97 phần trăm và Philippine sẽ tự túc gạo 100 phần trăm vào năm 2018.